

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 60/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...5416.....
	Ngày: ...31/7.....

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13
về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn
cho tổ chức và cá nhân**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007;

*Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế giá trị gia tăng
ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 28 tháng 6 năm 2012 của
Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ
chức và cá nhân;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết
số 29/2012/QH13 về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn
cho tổ chức và cá nhân.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Điều 2. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 29/2012/QH13 như sau:

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong lĩnh vực xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm thuế quy định tại Khoản này là doanh nghiệp, kể cả hợp tác xã (không bao gồm đơn vị sự nghiệp) đáp ứng các tiêu chí về vốn hoặc lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổng nguồn vốn được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán lập ngày 31 tháng 12 năm 2011 của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 thì số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa là vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

Số lao động bình quân năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) là số lao động mà doanh nghiệp sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2011, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng. Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Không giảm thuế theo quy định tại Khoản này đối với:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ kinh doanh: Xổ số; bất động sản; chứng khoán; tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa có hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động thuộc đối tượng được giảm thuế tại Khoản này là doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2012 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng. Trường hợp doanh nghiệp tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì số lao động làm căn cứ xác định công ty mẹ thuộc đối tượng giảm thuế không bao gồm số lao động của công ty con.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm là số thuế tính trên thu nhập của hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và từ hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử quy định tại Khoản này được xác định theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Khoản này bao gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: Nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này là số thuế tính tạm nộp hàng quý và số thuế còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2012.

4. Doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

Điều 3. Miễn thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 đối với hộ, cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 29/2012/QH13 như sau:

1. Miễn thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) năm 2012 đối với hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho thuê đối với công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh; hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ; hộ, cá nhân cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

Mức thuế khoán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân quy định tại Khoản này được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh năm 2012 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không, hoạt động kinh doanh khác) của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh thì:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn chỉ tính trên thu nhập từ hoạt động cung ứng suất ăn ca. Trường hợp không xác định được thu nhập của hoạt động được miễn thuế thì thu nhập để tính số thuế được miễn thuế được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa doanh thu của hoạt động cung ứng suất ăn ca với tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2012.

Số thuế giá trị gia tăng được miễn được xác định căn cứ theo tỷ lệ giữa doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của hoạt động cung ứng suất ăn ca của từng tháng trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng trong tháng.

Doanh nghiệp được miễn thuế quy định tại Khoản này phải đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 2 và Khoản 3 Điều 3 Nghị định này và thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

3. Hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp được miễn thuế quy định tại Điều này phải cam kết giữ ổn định mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ, giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2012 không cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011.

Giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca phải được công khai, niêm yết tại cơ sở kinh doanh và thông báo cho chính quyền xã, phường nơi kinh doanh và cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Trường hợp kiểm tra, thanh tra phát hiện hộ, cá nhân, tổ chức kinh doanh không thực hiện đúng cam kết về giá quy định tại Khoản này thì hộ, cá nhân, tổ chức kinh doanh không được miễn thuế theo quy định tại Điều này. Trường hợp hộ, cá nhân, tổ chức kinh doanh không được miễn thuế mà đã kê khai miễn thuế thì bị truy nộp và phạt chậm nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 29/2012/QH13 như sau:

Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật thuế thu nhập cá nhân.

Thu nhập tính thuế làm căn cứ xác định việc miễn thuế quy định tại Điều này là thu nhập tính thuế bình quân tháng của cá nhân thực nhận trong năm 2012.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2012.
2. Trong cùng một thời gian nếu doanh nghiệp được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.

Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc hoàn trả hoặc bù trừ với số thuế còn phải nộp đối với doanh nghiệp, hộ, cá nhân đã kê khai, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thuế được miễn, giảm theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định này.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và chính quyền các cấp ở địa phương phối hợp với cơ quan thuế tuyên truyền, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

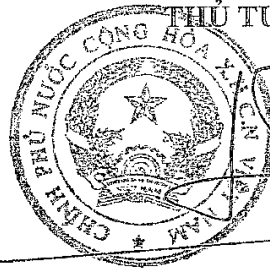
3. Hội đồng tư vấn thuế xã, phường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giá ở địa phương xác nhận và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cam kết giữ ổn định giá của hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại Điều 3 Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). XH 400

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng